TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22-5-2019
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Viết Bình
2. Ông Bùi Quang Uyên

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Giang Thanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 22/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1976
Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Có mặt.
Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm: 1976
Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2019, bản tự khai ngày 11/4/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn V tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 25 tháng 8 năm1992 không có đăng ký kết hôn, nhưng được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do tính tình không hợp, không thống nhất trong làm ăn phát triển kinh tế gia đình, anh V hay uống rượu rồi chửi bới đánh đập chị. Khi mâu thuẫn của anh chị xảy ra gia đình hai bên đã tham gia khuyên bảo và chính quyền địa phương đã đến hòa giải nhiều lần, nhưng anh chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Đối với anh Nguyễn Văn V tại bản tự khai ngày 24/4/2019 anh xác nhận anh và chị Nguyễn Thị D tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ

ngày 25/8/1992 không có đăng ký kết hôn, nhưng được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc thỉnh thoảng có xẩy ra xích mích nhưng không đến mức trầm trọng, khoảng một tháng nay chị D thuê nhà ra ở riêng, anh đã nói chuyện với chị D, nhưng chị D không muốn chung sống cùng anh nữa. Nay chị D khởi kiện xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn V xác nhận anh chị có ba người con chung cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 21/8/1993; Cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 20/11/1996 và cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/8/1998, cả ba cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường, khi ly hôn do các cháu đều đã trưởng thành trên 18 tuổi nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn V đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có tạo dựng được một số tài sản chung trị giá không lớn, khi ly hôn anh chị thống nhất thỏa thuận tự chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn V xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có vay nợ cụ thể như sau:

Ngày 17/5/2015 vay phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lào Cai số tiền 12.000.000đ vay theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường lãi suất 0,75%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 17/5/2020.

Ngày 17/3/2018 vay phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lào Cai số tiền là 40.000.000đ vay theo chương trình hộ sản xuất kinh doanh lãi suất 0,9%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 17/3/2023.

Ngày 05/11/2018 vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai phòng giao dịch B số tiền 200.000.000đ, lãi suất 10,5%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 05/11/2023.

Ngoài ra anh chị không vay nợ ai khác và cũng không cho ai vay nợ. Đối với các khoản nợ trên do chưa đến thời hạn trả nợ nên khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn bị đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, chứng cứ chứng minh về việc có con chung, chứng cứ chứng minh công nợ.

Đối với vụ án này Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân vì các đương sự không có đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị D có mặt, anh Nguyễn Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt và hai anh chị vẫn giữ nguyên yêu cầu nguyện vọng của mình. Như vậy cần xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn V là phù hợp với Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án "Ly hôn" với anh Nguyễn Văn V (địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn V tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 25/8/1992 không có đăng ký kết hôn, nhưng được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Mặc dù lời khai của anh chị không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng anh chị đều xác định cuộc sống chung có mâu thuẫn. Nay anh chị đều nhất trí ly hôn, nhưng vì việc chung sống của anh và chị là bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Vì vậy xét yêu cầu ly hôn của anh chị, Hội đồng xét xử không thể chấp nhận, mà cần căn cứ vào Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn V là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn V đều xác nhận anh chị có ba người con chung là cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 21/8/1993; Cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 20/11/1996 và cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 16/8/1998, cả ba cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường và đã trưởng thành trên 18 tuổi, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn V đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có tạo dựng được một số tài sản chung, trị giá không lớn, khi ly hôn anh chị thỏa thuận tự chia không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về công nợ chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn V đều xác nhận trong thời gian chung sống ngày 17/5/2015 anh chị vay phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lào Cai số tiền 12.000.000đ vay theo chương trình nước sạch vệ sinh môi trường lãi suất 0,75%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 17/5/2020.

Ngày 17/3/2018 vay phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Lào Cai số tiền 40.000.000đ vay theo chương trình hộ sản xuất kinh doanh lãi suất 0,9%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 17/3/2023.

Ngày 05/11/2018 vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện B, tỉnh Lào Cai phòng giao dịch B số tiền 200.000.000đ, lãi suất 10,5%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 05/11/2023. Ngoài ra anh chị không vay nợ ai khác và cũng không cho ai vay nợ. Đối với khoản nợ trên do chưa đến thời hạn trả nợ khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 9; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử không công nhận chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn V là vợ chồng

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0007935 ngày 11/4/2019. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT(02);
- UBND xã X;
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(*Đã ký*)

Phạm Thị Thu Hằng